

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/DS-PT

Ngày: 21 - 4 - 2022

*“V/v tranh chấp lãi suất theo
hợp đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan.

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Quốc;

Bà Lê Thị Minh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2021/TLPT- DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp lãi suất theo hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS – ST ngày 11 tháng 06 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 374/2021/QĐPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 45/2022/TB-TA ngày 05 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu G, sinh năm 1973;

Nơi cư ngụ: khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Huy Khánh, sinh năm 1987; địa chỉ số 137/69, đường D, phường E, quận F, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 09.11.2020). (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Kim L; sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Khu vực G, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 15.7.2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu G (có đại diện ủy quyền ông Nguyễn Huy Kh) trình bày:

Giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu G với bị đơn bà Lê Thị Kim L sống cùng địa phương. Do nhu cầu công việc nên từ năm 2009 nguyên đơn thường xuyên vay tiền của bị đơn, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn nên xảy ra tranh chấp.

Trong quá trình vay giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017 thì nguyên đơn vay của bà L nhiều lần với mức lãi suất thỏa thuận là 9%/tháng (0,3%/ngày). Cụ thể tiền vay và tiền lãi trong các năm như sau: Năm 2015 vay 6.363.000.000 đồng - trả lãi 202.564.000 đồng, năm 2016 vay 12.358.000.000 đồng - trả lãi 592.424.000 đồng, năm 2017 vay 6.560.000.000 đồng - trả lãi 1.308.540.000 đồng. Tổng cộng nguyên đơn vay của bà L 25.281.000.000 đồng - tổng lãi đã trả là 2.103.528.000 đồng.

Do thỏa thuận chịu lãi suất cao hơn quy định pháp luật nên nay ông G khởi kiện yêu cầu bà L trả lại cho ông số tiền lãi chênh lệch mà các bên giao dịch vượt mức quy định pháp luật với số tiền yêu cầu là 1.509.806.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Kim L (có đại diện ủy quyền ông Nguyễn Trường Th) trình bày:

Bị đơn thừa nhận từ thời gian năm 2015 đến năm 2017, bà L có cho ông G vay tiền nhiều lần nhưng không nhớ số tiền cho vay, lãi suất cho vay 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Khi thanh toán mỗi lần vay thì bà L tính số tiền lãi phải trả và ghi trên Tờ giấy tập và tờ giấy lịch giao cho ông G. Tại Cơ quan điều tra công an quận C bà L xác nhận những tài liệu này là giấy tính tiền phải trả trong đó thể hiện số tiền vay, ngày vay, số ngày vay và tiền lãi theo thỏa thuận. Theo đó, bà L thừa nhận có cho ông G vay tổng cộng 24.651.000.000 đồng, đã trả xong tiền lãi 1.767.755.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền lãi chênh lệch thì bị đơn không đồng ý vì cho rằng bị đơn cũng vay tiền của người khác chịu lãi để cho nguyên đơn vay lại.

Quá trình thụ lý giải quyết lại, phía bị đơn cho rằng từ năm 2015 đến năm 2017 bị đơn chỉ cho ông Giàu vay 1.530.000.000 đồng, số tiền lãi này đã được giải quyết theo Quyết định số 59/2018/QĐST-DS ngày 23.10.2018 của Tòa án nhân dân quận C có hiệu lực pháp luật và đang yêu cầu thi hành án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm (lần thứ nhất) số: 01/2020/DSST ngày 15.01.2020 của Tòa án nhân dân quận C tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu G.

Buộc bà Lê Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu G số tiền 1.509.806.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16.01.2020, bà Lê Thị Kim L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại bản án dân sự phúc thẩm (lần thứ nhất) số: 92/2020/DSPT ngày 13.8.2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Kim L.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DSST ngày 15.01.2020 của Tòa án nhân dân quận C;

Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân quận C giải quyết lại theo thủ tục chung.

Quá trình thụ lý lại vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi chênh lệch 1.509.806.000 đồng trên tổng số tiền 25.281.000.000 đồng mà nguyên đơn đã vay của bị đơn. Bị đơn không đồng ý yêu cầu nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS - ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân quận C đã tuyên.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu G (có ông Nguyễn Huy Kh đại diện) đối với bị đơn bà Lê Thị Kim L (có ông Nguyễn Trường Th đại diện).

Buộc bà Lê Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu G tổng số tiền 1.167.742.927 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ trả lãi trong thời gian thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án đồng thời không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Quyết định số 59/2018/QĐST – DS ngày 23/10/2018 là giải quyết về nợ gốc ông G còn nợ bà L chưa giải quyết về phần lãi. Trong vụ án này là ông G yêu cầu xem xét phần lãi chênh lệch mà ông đã trả vượt quá so với quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Lãnh cho rằng vụ việc vay tiền giữa bà và ông G đã được giải quyết bằng Quyết định số 59/2018/QĐST – DS ngày 23/10/2018 nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Giữa ông G và bà L có thỏa thuận vay tiền nhiều lần, lãi suất 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày, 9%/tháng (0,3%/ngày). Sau mỗi năm cả hai thống nhất chuyển số nợ gốc và lãi năm cũ sang năm tiếp theo. Đến ngày 07/02/2018 ông G lập biên nhận thừa nhận còn nợ bà L tổng cộng 1.830.000.000đồng, ông G hứa mỗi quý trả 300.000.000đồng, điều này thể hiện tại biên nhận ngày 07/02/2018, có chữ ký của ông G. Ông G đã trả được 300.000.000đồng, còn nợ 1.530.000.000đồng. Vấn đề này cả ông G và bà L đều xác nhận và phù hợp với các biên bản ghi lời khai tại Cơ quan điều tra Công an quận C (Bút lục 44,51).

Ngoài ra, ông G cũng cho rằng số tiền 1.530.000.000 đồng bao gồm cả tiền gốc và lãi. Điều này thể hiện tại bản tự khai của ông G ngày 21/9/2018, biên bản đối chất ngày 02/7/2017 và phù hợp với các biên bản ghi lời khai tại Cơ quan điều tra Công an quận C.

Bên cạnh đó, tại Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm số 1174/TB – Ta ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh cũng xác định: Bà L có cho ông G vay tiền nhiều lần. Ngày 07/02/2018 02 bên chốt nợ, ông G còn nợ bà L 1.830.000.000 đồng, cam kết mỗi quý trả 300.000.000 đồng và ông G đã trả 01 quý với số tiền 300.000.000đồng, còn nợ 1.530.000.000 đồng. Bà L yêu cầu ông G trả cho bà 1.530.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi...Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, sự thỏa thuận là tự nguyện, không trái luật, nên Tòa án lập biên bản hòa giải thành.

Như vậy, vụ việc vay nợ của các đương sự đã thỏa thuận chốt nợ, số nợ còn phải trả, trên cơ sở đó Tòa án nhân dân quận C đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh cũng xác định việc này, đồng thời đã không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 59/2018/QĐST – DS ngày 23/10/2018. Nên phần nợ gốc và lãi mà ông G nợ bà L đã giải quyết xong, bằng Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Phía ông G không cung cấp được chứng cứ chứng minh ngoài những chứng cứ mà ông đã thỏa thuận với bà L trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, để đòi lại khoản tiền mà ông cho rằng đã trả lãi suất vượt mức quy định mà ông và bà L chưa chốt nợ, chưa thỏa thuận. Nên khởi kiện của ông G là không có căn cứ.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn - bà L, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Theo đơn kháng cáo, bà Lê Thị Kim L yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà, cụ thể là nội dung vụ việc đã được giải quyết bằng một quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Hữu G yêu cầu bà Lê Thị Kim L trả cho ông số tiền lãi chênh lệch mà ông đã đóng cho bà L, số tiền yêu cầu là 1.890.001.521 đồng. Căn cứ để ông G yêu cầu bà L trả số tiền trên là dựa vào việc từ năm 2015 đến năm 2017 ông có vay tiền của bà L nhiều lần với tổng số tiền vay là 25.281.000.000 đồng và tổng lãi đã trả là 2.103.528.000 đồng. Số tiền lãi đã trả này vượt quá số tiền lãi phải trả theo quy định của pháp luật. Bà L cũng thừa nhận có cho ông G vay tiền nhiều lần như ông G trình bày tuy nhiên số tiền vay là 24.651.000.000 đồng, tiền lãi đã trả 1.767.755.000 đồng. Đồng thời việc vay tiền giữa bà và ông G đã được giải quyết bằng quyết định số 59/2018/QĐST – DS ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, mặc dù số tiền vay hai bên không thống nhất nhưng trong vụ án này các bên chỉ tranh chấp số tiền lãi đã trả. Do đó vấn đề cần làm rõ là số tiền lãi chênh lệch ông G đã trả cho bà L là bao nhiêu và đã được giải quyết tại quyết định số 59/2018/QĐST – DS ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ hay chưa.

- Đối với số tiền lãi chênh lệch: Theo đơn khởi kiện ông G yêu cầu là 1.890.001.521 đồng nhưng theo Biên bản đối chiếu tiền nợ ngày 14/6/2019 và ngày 27/6/2019 các bên thống nhất số tiền lãi ông G đã trả là 1.767.395.000 đồng. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS - ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân quận C xác định số tiền lãi chênh lệch ông G đã trả so với quy định là 1.167.742.927 đồng. Các đương sự không kháng cáo số tiền này nên xác định số tiền lãi chênh lệch ông G đã trả so với quy định là 1.167.742.927 đồng.

- Về việc xem xét số tiền lãi chênh lệch đã được giải quyết tại quyết định số 59/2018/QĐST – DS ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ hay chưa.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và Tòa án thu thập được cho thấy: Từ năm 2015 đến 2017 bà L có cho ông G vay tiền nhiều lần, lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày, 9%/tháng. Sau mỗi năm thì các bên tổng kết nợ và thống nhất chuyển số tiền nợ gốc và lãi của năm trước sang năm sau. Do ông G ngưng đóng lãi trong thời gian dài (hơn một năm) nên ngày 07/02/2018 hai bên chốt nợ, ông G còn nợ bà L số tiền 1.830.000.000 đồng, sau đó ông G đã trả 300.000.000 đồng, còn lại 1.530.000.000 đồng, số tiền này đã bao gồm tiền nợ gốc và lãi nên sau khi chốt nợ bà L không tính lãi nữa. Điều này thể hiện tại Biên nhận nợ ngày 07/02/2018, Biên bản đối chất ngày 15/10/2018 giữa ông G với bà L, bản tự khai ngày 21/9/2018 của ông G và các Biên bản ghi lời khai của ông G tại Cơ quan điều tra Công an quận C.

Ngoài ra, theo nội dung đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm quyết định số 59/2018/QĐST – DS ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố

Cần Thơ ông G gửi đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ông G đều cho rằng “giữa ông và bà L thỏa thuận có lãi suất cho vay vượt quá lãi suất do pháp luật quy định. Do hai bên không đổi chất, chỉ căn cứ vào biên nhận và hai bên ký vào biên bản hòa giải thành....Trong suốt thời gian vay nợ, tổng số tiền lãi tôi đã trả vượt quá 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) nhưng bà L đã giấu biệt các chứng từ tôi đã chi trả, số lãi nợ bà đã nhận Xét thấy lãi suất quá cao, lãi nhập vốn, tính từng ngày không được Tòa sơ thẩm xem xét, giảm lãi hay tạo điều kiện cho tôi được hoàn thành nghĩa vụ...”. Điều này cho thấy, yêu cầu xem xét lại lãi suất đã được ông G đưa ra giải quyết trong vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà bà L là nguyên đơn kiện ông. Qua thu thập chứng cứ tại hồ sơ vụ kiện này cho thấy các bên đã được cho đổi chất, hòa giải sau cùng các bên thống nhất ông G còn nợ bà L số tiền 1.530.000.000đồng. Căn cứ vào sự thống nhất, thỏa thuận của các bên nên Tòa án nhân dân quận C lập Biên bản hòa giải thành và ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (quyết định số 59/2018/QĐST – DS ngày 23/10/2018). Ông G có đơn đề nghị giám đốc thẩm quyết định số 59/2018/QĐST – DS ngày 23/10/2018 nhưng không được chấp nhận, do đó Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên cho thấy số tiền 1.830.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 07/02/2018 là tổng tiền nợ gốc và lãi sau khi ông G và bà L kết nợ và số tiền này đã được giải quyết tại quyết định số 59/2018/QĐST – DS ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 yêu cầu khởi kiện của ông sẽ không được giải quyết lại. Lẽ ra, khi nhận đơn khởi kiện của ông G Tòa án nhân dân quận C phải trả lại đơn khởi kiện của ông theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng do Tòa án đã thụ lý giải quyết nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Nhận định của Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có cơ sở nhưng về hướng giải quyết vụ án không cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn đơn bà Lê Thị Kim L.

2. Hủy bản án sơ thẩm số 46/2021/DS - ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân quận C và đình chỉ giải quyết vụ án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu G được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 34.350.000 đồng (Ba mươi bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 004971 ngày 12/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim L được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 002864 ngày 22/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND quận C;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Chi Cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Loan